TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2019.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia trách nhiệm trả nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Hữu và bà Lường Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST- HN&GĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lường Thị H**; năm sinh: 1985; Địa chỉ: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn P**, sinh năm 1982, Địa chỉ: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch, Ngân hàng Chính sách - Xã hội huyện T**; địa chỉ trụ sở: Khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lò Thanh H (Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018) - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia trách nhiệm trả nợ chung đề ngày 07/11/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Lường Thị H và anh Lò Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lường Thị H và anh Lò Văn P thống nhất khai kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 04/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống do tính tình không hợp; vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặt khác do anh P có sử dụng chất ma túy, nhiều lần chị H đã động viên anh P đi cai nghiện bằng hình thức uống thuốc Methadone tại Trung

tâm y tế huyện T, nhưng anh P không nghe lời, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc; nên chị H đã sống ly thân anh P từ tháng 8/2017 đến nay và chị H yêu cầu giải quyết ly hôn cho chị. Anh P khai anh, chị đã sống ly thân được 03 tháng tức là từ tháng 12/2018 cho đến ngày viết bản tự khai (ngày 03/01/2019), trong thời gian sống ly thân, mặc dù không ai quan tâm đến ai, nhưng Lò Văn P vẫn còn thương yêu vợ, nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Lường Thị H, anh Lò Văn P có hai người con chung. Cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2004 và cháu Lò Văn N, sinh ngày 25/5/2006. Hiện nay 02 cháu H và cháu N đang ở cùng chị Lường Thị H tại bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn chị Lường Thị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Thị H và cháu Lò Văn N. Chị H đang làm thuê cho Công ty M có thu nhập 5.000.000đ/tháng; anh Lò Văn P có khó khăn về kinh tế nên chị chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn P không nhất trí ly hôn, nên không yêu cầu giải quyết giao nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Lường Thị H, anh Lò Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lường Thị H, anh Lò Văn P còn nợ Phòng giao dịch, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) tiền gốc. Khi ly hôn nguyện vọng chị H đã thỏa thuận với Ngân hàng trả nợ số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Anh Lò Văn P đồng ý giao cho chị H trả khoản nợ cho Phòng giao dịch, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T.

Tại biên bản làm việc và phiên hòa giải tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T, tỉnh Điện Biên ông Lò Thanh H trình bày: Ngày 24/3/2015 chị Lường Thị H có vay số tiền 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) thuộc chương trình cho vay Hộ cận nghèo, mã món vay: 6600000703743522, hạn trả ngày 24/3/2020 tại Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T, anh Lò Văn P là người thừa kế. Đến ngày 22/4/2018 hộ vay đã trả được 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), đến thời điểm hiện tại gia đình chị Lường Thị H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện T là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Ngân hàng nhất trí để chị Lường Thị H trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T, tỉnh Điện Biên và yêu cầu chị H thực hiện trả nợ đúng quy định.

Về án phí: Chị Lường Thị H là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, nên đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thấy rằng. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án, đảm bảo việc giải quyết vụ án kịp thời, đúng pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo không có yêu cầu, kiến nghị và kháng nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lò Văn P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt; Phòng giao dịch, Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh P và Ngân hàng tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, phân chia trách nhiệm trả nợ chung giữa chị Lường Thị H và anh Lò Văn P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị H và anh Lò Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/12/2003 của UBND xã Q xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lường Thị H và anh Lò Văn P là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Lường Thị H, anh Lò Văn P khai về nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mặt khác do anh P sử dụng chất ma túy, nên anh chị đã sống ly thân. Lời khai của anh, chị phù hợp với biên bản xác minh ngày 15/02/2019 của Tòa án. Chị Lường Thị H yêu cầu ly hôn, anh Lò Văn P không nhất trí ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị Lường Thị H về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; lời khai của Lò Văn P trong quá trình giải quyết vụ án, giữa anh chị vẫn còn tình cảm vợ chồng là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đều thống nhất đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị không ai quan tâm tới ai. Hội đồng xét xử nhận định, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh P, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị H, anh P đã trầm trọng, anh chị không chung sống hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị H, anh P đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị Lường Thị H, anh Lò Văn P đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai; căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lường Thị H.

[4] Về con chung: Chị Lường Thị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lò Thị H, sinh ngày 11/10/2004 và cháu Lò Văn N, sinh ngày 25/5/2006 sau ly hôn

và chưa yêu cầu anh Lò Văn P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị H có thu nhập 5.000.000đ/tháng, hiện nay đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con, yêu cầu về nuôi hai con của chị Lường Thị H phù hợp với nguyện vọng của các con với khả năng kinh tế của chị H. Căn cứ theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Về tài sản chung: Chị Lường Thị H, anh Lò Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Lường Thị H và Ngân hàng đã thỏa thuận, chị H là người thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch, Ngân hàng chính sách huyện T, tỉnh Điện Biên 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị Lường Thị H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 9, 27, 37, 51, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.
- Các Điều 28, 35, 39, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị H được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung:

Chị Lường Thị H có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là cháu Lò Thị H sinh ngày 11/10/2004 và cháu Lò Văn N sinh ngày 25/5/2006 đến tuổi trưởng thành. Chị H, anh P không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị H có quyền yêu cầu các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lò Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Lường Thị H và anh Lò Văn P có

quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nợ chung: Chị Lường Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch, Ngân hàng chính sách huyện T, tỉnh Điện Biên 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lường Thị H.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lường Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/3/2019). Anh Lò Văn P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú. Phòng giao dịch, Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Điện Biên có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi có trụ sở làm việc.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký*)

Nguyễn Việt Hương